

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2018/HNGĐ - ST**

Ngày 27/11/2018

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tiến

2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị , sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKKHKT: thôn 3, xã G, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Đăng ký tạm trú: tổ 18, ấp L, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Hiện đang công tác tại: Trường Mầm non NH, tổ 2, ấp Đ, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Nho T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

ĐKKHKT: thôn 3, xã G, huyện N, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: chị Lê Thị H và anh Nguyễn Nho T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25 tháng 4 năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: hai vợ chồng có lối sống trái

ngược nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khi chị có thai được 2 tháng thì anh T đi làm ăn xa nhưng không gửi tiền về. Chị hỏi thì anh T nói công việc bấp bênh, không có tiền nên một mình chị phải tự lo cho con và gia đình. Kể từ khi chị có thai được 2 tháng cho đến nay anh T chưa về nhà lần nào. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị và anh T chấm dứt quan hệ sinh lý, sống ly thân từ tháng 3 năm 2009 đến nay. Hiện nay chị không có thai nghén. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con: chị và anh Nguyễn Nho T có 01 con chung là Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23/9/2009 đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 9/2018 đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản và nợ chung: chị và anh T không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên xác minh ngày 17 tháng 10 năm 2018, bà Lê Thị Gi - mẹ đẻ anh Nguyễn Nho T trình bày:

Gia đình bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Nông Công gửi cho anh Nguyễn Nho T gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T hiện nay không có nhà, địa chỉ cụ thể gia đình bà không biết mà chỉ liên lạc qua điện thoại. Ngay sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, bà đã gọi điện báo cho anh T biết nội dung các văn bản Tòa án tổng đạt. Anh T đã biết việc Tòa án thụ lý ly hôn do chị H khởi kiện. Do anh T bận công việc nên không thể về được và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Về nội dung anh T trao đổi với bà Gi như sau: anh T và chị Lê Thị H xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25 tháng 4 năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị H có thai được 2 tháng thì anh T đi làm xa nhà. Sau khi chị H sinh con, chị H muốn về nhà mẹ đẻ ở nhưng anh T không đồng ý. Từ đó, vợ chồng xảy ra cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không khắc phục được. Vợ chồng chấm dứt quan hệ sinh lý, sống ly thân từ tháng 3/2009 đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý. Về con chung: anh T và chị H có 1 con chung như chị H trình bày. Anh T đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con. Trước đó, khi chị H chưa làm thủ tục ly hôn anh T vẫn gửi tiền cho chị H nuôi con. Nay chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thì gia đình bà không biết ý kiến của anh T như thế nào. Về tài sản, công nợ chung: chị H và anh T không có tài sản, công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự, chị H thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với anh T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Nho T. Về con: chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ kể từ thời điểm xét xử tháng 11/2018 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị H có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS. Anh Nguyễn Nho T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, xét xử vắng mặt tất cả đương sự theo Điều 238 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Nho T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm. Anh T ít quan tâm đến gia đình. Từ đó, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2009 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con: chị H và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thiên A, đang ở với chị H. Nguyên vọng của chị H xin được nuôi con, cháu A xin được ở với mẹ. Về phía anh T cũng đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con. Xét thấy nguyên vọng của chị H phù hợp với ý kiến của anh T và cháu A nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2018 như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: chị H và anh T không có tài sản và nợ chung nên HĐXX không xét.

[3]. Về án phí: chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T cấp dưỡng nuôi con, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Nho T.

2. Về con chung: giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23/9/2009. Anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 11/2018 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0001763 ngày 20/9/2018, chấp nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt chị H, anh T. Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã G;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ